

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

Đề tài khoa học cấp bộ

*Cơ quan chủ trì:* VIỆN KINH TẾ HỌC

***Đề tài:*** Một số quan điểm, chính sách và giải pháp đối với hợp tác xã nông nghiệp ở vùng đồng bằng bắc bộ hiện nay

*Chủ nhiệm đề tài:* Chu Văn Vũ

Hà Nội 9 - 2003

6525

M1910J

# TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

## Đề tài khoa học cấp bộ

*Cơ quan chủ trì:* **VIỆN KINH TẾ HỌC**

***Đề tài:* Một số quan điểm, chính sách và giải pháp đối với hợp tác xã nông nghiệp ở vùng đồng bằng bắc bộ hiện nay**

*Chủ nhiệm đề tài:* **Chu Văn Vũ**

***Các cán bộ nghiên cứu và cộng tác viên của đề tài***

1. TS. Phan Sĩ Mẫn
2. TS. Trần Ngọc Ngoạn
3. TS. Nguyễn Đức Thịnh
4. TS. Trần Minh Ngọc
5. Th.s Trịnh Tố Quyên

Hà Nội 9.2003

**MỘT SỐ QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI  
PHÁP ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP  
Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ HIỆN NAY**

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong lịch sử phát triển nền nông nghiệp và kinh tế xã hội nông thôn, phát triển kinh tế hợp tác xã, trong đó hợp tác xã là nòng cốt đã là một trong những chủ trương lớn quan trọng và được Đảng và Nhà nước ta thường xuyên xuyên quan tâm.

Kinh tế tập thể ở đồng bằng Bắc Bộ đã phát triển qua nhiều giai đoạn. Ngay từ những năm cuối của thập kỷ 50 đến những năm đầu của thập kỷ tám mươi của thế kỷ XX, mô hình hợp tác xã tập thể hoá với việc sở hữu tập thể những tư liệu sản xuất cơ bản của nông nghiệp đã chiếm vị trí thống trị. Kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh đã là những hình thức tổ chức sản xuất cơ bản trong nông nghiệp. Những hình thức tổ chức sản xuất khác gần như bị thủ tiêu. Kinh tế tập thể đã phát huy vai trò to lớn trong cuộc cải cách ruộng đất, trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và trong việc xây dựng một số cơ sở hạ tầng trong nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, mô hình hợp tác xã tập thể hoá duy trì trong một thời gian khá dài đã gặp những khó khăn, trở lực không thể vượt qua nổi và lâm vào khủng hoảng, đặc biệt là những năm cuối của thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX. Từ đó đã ảnh hưởng khá lớn đến sự phát triển của nông nghiệp cũng như kinh tế của khu vực nông thôn và toàn bộ nền kinh tế.

Giai đoạn kể từ đầu những năm 80 đến khi luật hợp tác xã ra đời và có hiệu lực (1996 - 1997). Nền kinh tế nói chung và trong nông nghiệp nói riêng đã bước sang giai đoạn đổi mới đã tác động sâu sắc đến hệ thống kinh tế hợp tác xã.

Chỉ thị 100 - CT/TW của Ban bí thư Trung ương (Khoá IV, năm 1981) về khoán sản phẩm trong nông nghiệp là một bước đột phá khởi đầu cho sự phát triển của nông nghiệp. Đường lối đổi mới kinh tế toàn diện chính thức đã được bắt đầu từ đại hội VI của Đảng (1986) với việc chuyển nền kinh tế từ kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã mở ra một hướng mới, căn bản cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Đến nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ chính trị (Khoá VI - 1988) về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp đã tạo ra một bước ngoặt thật sự trong sự phát triển kinh tế của khu vực nông thôn nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Kinh tế hộ nông dân đã được thừa nhận và được xác lập lại và cùng với nó là việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong nông thôn. Năm 1993, luật đất đai đã ra đời, đã trao ruộng đất cho hộ nông dân với năm quyền năng được thừa nhận. Sự xác lập hộ nông dân với những quyền năng đất đai được trao cho họ đã là động lực cơ bản tạo ra sự phát triển. Nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã phát triển vượt bậc. Song kể từ khi có chỉ thị 100 đến khi có luật đất đai, với việc xác lập và phát triển mạnh mẽ, sinh động của kinh tế hộ nông dân thì cũng là thời kỳ hệ thống hợp tác xã bị buông lỏng và vị trí và vai trò của nó đã bị giảm sút nhiều. Hộ nông dân đã thay thế hợp tác xã trong rất nhiều hoạt động kinh tế, nhất là những công việc trực tiếp trên đồng ruộng. Hợp tác xã chỉ duy trì ở một số hoạt động mang

tính dịch vụ và nói chung, các hoạt động của hợp tác xã chậm được đổi mới. Trong khi đó kinh tế hộ nông dân phát triển có mặt tự phát.

Năm 1996, Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị 68 CT/TW về phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế. Tiếp đó, năm 1996, Quốc hội ban hành luật hợp tác xã. Kể từ khi thực hiện luật hợp tác xã đến nay, Kinh tế hợp tác, hợp tác xã mặc dù đã có sự phát triển thay đổi về chất nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc cần được giải quyết như cơ sở hình thành hợp tác xã, mô hình tổ chức hợp tác xã còn ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, vấn đề sở hữu trong hợp tác xã chưa thật rõ ràng, mức góp vốn theo điều lệ quy định rất thấp nhưng phần lớn xã viên chưa góp vốn, quỹ, cơ sở vật chất kỹ thuật... của hợp tác xã còn nghèo nàn; nợ nần, tài sản của hợp tác xã cũ chậm được xử lý thoả đáng; đội ngũ cán bộ hợp tác xã còn yếu về trình độ, hiệu quả quản lý thấp, mặc dù chuyển sang hợp tác xã mới thực hiện theo luật nhưng dấu ấn của hợp tác xã cũ vẫn nặng nề, mức độ vi phạm luật còn khá phổ biến, hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã chuyển biến chậm, bản thân số đông các hợp tác xã chưa có sức sống và tính hấp dẫn do hiệu quả kinh tế đích thực còn kém, khả năng cạnh tranh yếu... nhiều nhu cầu bức thiết của kinh tế hộ chỉ được hợp tác xã đáp ứng một phần nhỏ, nhiều lĩnh vực quan trọng còn bị bỏ trống, kinh tế hộ đang gặp những khó khăn không nhỏ, vị trí vai trò của hợp tác xã chưa được phát huy. Bởi vậy, việc nghiên cứu về phát triển kinh tế hợp tác xã nông nghiệp ở đồng bằng Bắc Bộ sau khi có luật hợp tác xã là cần thiết để có chính sách và giải pháp hợp lý nhằm nâng cao vai trò và vị trí của hợp tác xã trong nền kinh tế quốc dân, thực hiện chủ trương của Đảng đã nêu ra trong nghị quyết đại hội Đảng lần thứ IX: thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần... trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân... Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt.

## **Phần thứ nhất**

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP TÁC VÀ HỢP TÁC XÃ**

### **1.1. HỢP TÁC (HAY HIỆP TÁC)**

Hợp tác (hay hiệp tác) là hình thức xã hội hoá lao động, hoạt động chung của nhiều người trong cùng một quá trình lao động khác nhau có liên hệ với nhau. Hiệp tác lao động là hình thức tổ chức lao động của nhiều người cùng tham gia vào cùng một quá trình lao động khác nhau nhưng có quan hệ với nhau.

Hợp tác có thể diễn ra giữa các cá nhân với nhau, nhưng có thể diễn ra giữa các cá nhân và tổ chức hoặc giữa các tổ chức với nhau. Sự hợp tác luôn luôn là yêu cầu khách quan của sự phát triển. Nó là một phương thức tất yếu, khách quan trong hoạt động sản xuất, hoạt động kinh tế cũng như những hoạt động khác của con người.

C. Mác đã chỉ ra rằng hợp tác trong lao động là bản tính xã hội của con người. Trong quá trình lao động sản xuất không phải bao giờ lao động cá nhân hoặc của một đơn vị sản xuất cũng diễn ra một cách suôn sẻ. Trong nhiều trường hợp lao động cá nhân, thậm chí một đơn vị sản xuất không tự khắc phục được hết những trở ngại khách quan ảnh hưởng tới sản xuất và trở nên bất lực hoặc tiến hành một cách kém hiệu quả nếu thiếu sự hợp tác. Hơn nữa, các hoạt động của con người luôn diễn ra trong xã hội, trong các quan hệ ràng buộc, trong các quan hệ trao đổi. Chính vì vậy, quá trình sản xuất, các hoạt động kinh tế đòi hỏi con người luôn phải hợp tác, liên kết với nhau để khắc phục những khiếm khuyết cá nhân, để đảm bảo sản xuất có hiệu quả hơn.

Sự hợp tác bao giờ cũng nhằm thoả mãn những nhu cầu, những lợi ích, những mục tiêu của những chủ thể hợp tác. Trong khi thực hiện những lợi ích riêng biệt của các chủ thể, nó đồng thời thực hiện được cả những lợi ích chung. Và cũng vì thế đảm bảo cho sự hợp tác phát triển liên tục và ở trình độ cao hơn. Quan hệ hợp tác sẽ không tiến triển nếu như các lợi ích trên không được thoả mãn.

Hợp tác là một trong những con đường xã hội hoá các hoạt động của con người. Trình độ xã hội hoá lao động của con người, sự tiến triển của nó quy định các hình thức hiệp tác cũng như sự tiến triển của hiệp tác. Mặt khác, các hình thức hợp tác, sự phù hợp, thích hợp của hợp tác lại thúc đẩy trình độ xã hội hoá lao động, thúc đẩy sức sản xuất phát triển, thúc đẩy sự phát triển kinh tế và qua đó tạo ra những khả năng mới nâng cao trình độ của sự hợp tác lên những bước cao hơn.

Hợp tác biểu hiện ở những hình thức rất khác nhau. Nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và có hiệu quả cao vừa là kết quả, vừa là nguyên nhân của các quá trình hợp tác rộng rãi giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức...

Song sự hợp tác đó được thực hiện ở những hình thức rất khác nhau, từ thấp đến cao, từ giản đơn đến phức tạp... Vừa đa dạng vừa phong phú và được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực như lao động, vốn, dịch vụ, thương mại, sản xuất, công nghệ... và được thực hiện trong tất cả các ngành, các lĩnh vực của đời sống. Sự hợp tác không chỉ diễn ra trên phạm vi quốc gia mà còn diễn ra trên phạm vi quốc tế.

Những hình thức hợp tác cụ thể là tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, tùy thuộc vào trình độ phân công lao động xã hội và tùy thuộc vào các phương thức hoạt động kinh tế của con người trong những điều kiện cụ thể nhất định.

Các hình thức hợp tác kinh tế phù hợp, thích hợp bao giờ cũng tạo ra sức mạnh mới. Hiệp tác lao động tạo ra lực lượng sản xuất mới của xã hội, tạo ra khả năng sử dụng tư liệu sản xuất một cách tốt hơn và tiết kiệm hơn, hoàn thành công việc trong một thời gian ngắn hơn, nâng cao năng suất lao động, giảm bớt lao động sống và lao động vật hoá trong mỗi đơn vị sản phẩm.

C.Mác đã đánh giá rất cao vai trò lịch sử trọng đại của hợp tác trong bước tiến của xã hội loài người nhờ việc tăng năng suất lao động do hợp tác đem lại.

Hợp tác lao động đã có từ thời xa xưa. Dưới chế độ công xã nguyên thủy, hiệp tác giản đơn sinh ra khi những thành viên công xã cùng nhau săn bắt và làm ruộng. Dưới chế độ chiếm hữu nô lệ, hợp tác lao động được áp dụng rộng rãi trong nông nghiệp, thủ công nghiệp, làm đường xá, xây dựng hệ thống thủy lợi, nhà cửa và làm cầu cống... Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, lúc đầu tồn tại dưới hình thức hợp tác giản đơn tư bản chủ nghĩa, về sau là hình thức công trường thủ công. Công trường thủ công làm tăng năng suất lao động và nâng cao giá trị thặng dư, tạo tiền đề cho bước chuyển sang đại công nghiệp cơ khí. Bước chuyển đó được đánh dấu bằng cuộc cách mạng công nghiệp, sinh ra công xưởng, hình thức cao của hiệp tác lao động tư bản chủ nghĩa dựa trên cơ sở sử dụng hệ thống máy móc. Trong xã hội hiện đại, sự hợp tác càng phát triển đa dạng và phong phú nhờ sự phát triển mạnh mẽ của những lực lượng sản xuất.

## **1.2. QUAN ĐIỂM CỦA C.MÁC, PH.ĂNGGHEN, V.I.LÊNIN VÀ MỘT SỐ NHÀ KINH TẾ VỀ CHẾ ĐỘ HỢP TÁC VÀ HỢP TÁC XÃ**

### **1.2.1. Một số vấn đề chung**

Trước chủ nghĩa Mác, các nhà xã hội không tưởng đã nêu ra những quan niệm về hợp tác xã song nó mang tính chất không tưởng gắn liền với học thuyết không tưởng về chủ nghĩa xã hội.

Kinh tế hợp tác là sản phẩm tất yếu của lịch sử. Nó đã có trước khi chủ nghĩa Mác xuất hiện.

Chủ nghĩa Mác xuất phát từ một luận điểm cơ bản: Liên minh công nông – Liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo trong cuộc đấu tranh giai cấp chống giai cấp tư sản để giành chính quyền. Và sau khi giành được chính quyền rồi thì khối liên minh ấy cần được giữ vững và tăng cường để thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định con đường mà giai cấp nông dân cùng với giai cấp công nhân đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường hợp tác. Ban đầu, C.Mác và Ph.Ăngghen chưa thấy hết vai trò to lớn của hợp tác xã đối với hình thái kinh tế xã hội tương lai. Nhưng xuất phát từ những tiền đề kinh tế nảy sinh trong lòng xã hội tư bản, đó là các hợp tác xã ở các nước tư bản, các ông cho rằng các hợp tác xã được xây dựng dưới chủ nghĩa tư bản là để đấu tranh kinh tế với giai cấp tư sản, phát huy sáng kiến của quần chúng: nhờ sáng kiến của quần chúng, các hợp tác xã đã được xây dựng thành những tổ chức kinh tế rộng lớn, nó đã chứa đựng những tiềm năng của chủ nghĩa xã hội (C.Mác) và sau này V.I.LêNin cho đó là những di sản văn hoá cần được chú trọng và sử dụng. Trong Tuyên ngôn thành lập hội liên hiệp công nhân quốc tế (quốc tế I) C.Mác và Ph.Ăngghen đã đi đến khẳng định vai trò to lớn của hợp tác xã sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền. Ph.Ăngghen sau đó khẳng định chắc chắn rằng: “Khi chuyển sang nền kinh tế cộng sản chủ nghĩa hoàn toàn, chúng ta sẽ phải ứng dụng rộng rãi nền sản xuất hợp tác hoá làm khâu trung gian”.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận thức đúng đắn vị trí quan trọng của vấn đề nông nghiệp và nông dân trong công cuộc xây dựng xã hội mới – xã hội chủ nghĩa, và cho rằng chỉ có hợp tác hoá mới là hình thức có hiệu quả để đảm bảo một cách có hài hoà lợi ích của người tiểu nông và lợi ích của toàn xã hội. Hai ông cũng cho rằng thái độ của giai cấp vô sản đối với những người vô sản, đối với những người tiểu nông, người sản xuất nhỏ không thể dùng biện pháp tước đoạt hay ép buộc dù dưới bất kỳ hình thức nào mà phải bằng biện pháp hết sức tử mĩ, bằng cách nêu gương, thuyết phục, khuyến khích họ với những lợi ích thiết thực. Ph.Ăngghen nêu luận điểm: cần phải để cho người nông dân suy nghĩ trên luống cày của họ và với những biện pháp tử mĩ liên kết họ với những hiệp hội mà trong đó có thể ngày càng giảm sự bóc lột lao động làm thuê, những hiệp hội đó dần dần sẽ chiếm được đa số áp đảo trong những bộ phận cấu thành của Liên hiệp hội sản xuất của toàn xã hội vĩ đại với quyền lợi và nghĩa vụ bình đẳng<sup>1</sup>. Ph.Ăngghen cũng cho rằng tấm gương tích cực của các hiệp hội sản xuất bao gồm những công nhân nông nghiệp được lập nên trên cơ sở quốc hữu hoá những điền trang lớn đặt dưới sự giám sát trực tiếp của chính quyền vô sản và hoạt động theo những nguyên tắc hợp tác – khoán thuê có thể đủ để làm cho người nông dân có thể tin tưởng vào những ưu việt của sản xuất lớn hợp tác.

Từ cuối thế kỷ XVII, nước Anh đã đi vào công nghiệp hoá sớm nhất thế giới. Cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra và kéo theo đó là cuộc cách mạng trong nông nghiệp. C.Mác trong quyển I của bộ “Tư bản” đã dự đoán: Song song với nền đại công nghiệp có nhà máy và có hiện tượng dọn sạch mặt đất – phá sạch nền sản xuất nông nghiệp vốn có, tiêu diệt hoàn toàn giai cấp nông dân thì một nền đại nông

<sup>1</sup> C.Mác – Ph.Ăngghen Toàn tập, tập 22 (Tiếng Nga) – Matxcova – 1961. Trang 522 – 523.



nghiệp cũng có hiệu quả cao như thế sẽ được xây dựng trên cơ sở kỹ thuật máy móc và lao động làm thuê tư bản. Nền sản xuất đại công nghiệp, thực tế đã được xây dựng ở Anh, quê hương của chủ nghĩa tư bản. Sau này, khi C.Mác viết tập III của cuốn “Tư bản”, C.Mác phải thừa nhận những dự đoán khái quát về tính quy luật chung của xu hướng nói trên của ông trước kia, về thực tiễn đã không thích hợp ngay cả ở nước Anh. Nông trại gia đình trên thực tế không sử dụng lao động làm thuê đã ngày càng củng cố vững chắc và phát triển với tư cách là một hình thức sinh lợi cơ bản của sản xuất nông nghiệp chứ hoàn toàn không phải là nông trại đại kỹ nghệ. C.Mác phải công nhận những “nhà máy” nông nghiệp lớn không có khả năng cạnh tranh với nông trại gia đình không dùng lao động làm thuê. Ở nông trại gia đình giá lúa mì rẻ hơn ở nông trại lớn kiểu tư bản chủ nghĩa.

Như vậy là C.Mác đã thấy rõ được cách thức phát triển khác nhau của công nghiệp và nông nghiệp, thấy rõ được những đặc trưng riêng biệt của sản xuất nông nghiệp và thực chất công việc của người nông dân, sự gắn bó của họ đối với đất đai và ý thức chủ nhân của họ đối với đất đai, đối với cây trồng, vật nuôi, là những sinh vật sống mà cũng vì thế mà họ chăm lo, lao động hết mình. Về đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và gắn liền với nó là những hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, trong quyển III của bộ “Tư bản”, C.Mác đã rút ra kết luận: “Luân lý lịch sử mà ta có thể rút ra trong khi xem xét nghề nông... là ở chỗ hệ thống tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn với nghề nông hợp lý, hay là nghề nông hợp lý không phù hợp với hệ thống tư bản chủ nghĩa (mặc dù hệ thống này có hỗ trợ cho sự phát triển của nông nghiệp) và đòi hỏi phải có hoặc là bàn tay của người tiểu nông sống bằng lao động của mình, hoặc là sự kiểm soát của những người sản xuất có liên hệ với nhau”. Như vậy là C.Mác đã đánh giá vai trò to lớn của nông trại gia đình đối với sự phát triển nền nông nghiệp. Song mặt khác ông cũng đặt ra cơ sở tư tưởng đầu tiên về một chế độ hợp tác trong nông nghiệp. Và ông cho rằng “hoặc là” cái này “hoặc là” cái kia, tức là có hai kiểu tổ chức sản xuất trong nông nghiệp để lựa chọn và ông không chấp nhận kiểu tổ chức sản xuất nông nghiệp theo kiểu làm thuê tư bản chủ nghĩa.

Tóm lại, C.Mác và Ph.Ăngghen đã quan niệm hợp tác hoá là tất yếu và phải quán triệt nguyên tắc tự nguyện, nguyên tắc lợi ích; phải dần từng bước và phải có sự giúp đỡ của Nhà nước; các hợp tác xã phải được tổ chức đa dạng: hiệp hội, khoán thuê, Nhà nước trực tiếp quản lý; phải lôi cuốn mọi tầng lớp nông dân vào các tổ chức hợp tác.

V.I LêNin, khi bàn về việc lựa chọn con đường phát triển nông nghiệp nước Nga, LêNin đã nhận thấy rằng không thể phát triển nông nghiệp theo con đường chủ nghĩa tư bản theo kiểu Phổ – với những đại điền trang tư bản dùng lao động làm thuê, vì ông coi nó là một kiểu không có hiệu quả, mà phải là kiểu một chủ trại tự do trên mảnh đất tự do, nghĩa là mảnh đất đó đã được dọn sạch khỏi những tàn tích trung cổ, đó là kiểu Mỹ và Lê Nin khi soạn thảo cương lĩnh thứ hai, một cương lĩnh cải tổ sản xuất nông nghiệp theo phương thức xã hội chủ nghĩa, ông đã xuất phát từ phương án “hoặc là” thứ hai của Mác: các hội hợp tác của những người sản xuất.

V.I.Lê Nin cho rằng khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền, đất đai đã được xã hội hoá, công xưởng nhà máy đã được quốc hữu hoá thì có thể mở rộng thành lập các tổ chức hợp tác xã trên phạm vi toàn xã hội: “Thật vậy, ở nước ta, vì chính quyền nhà nước đã do giai cấp công nhân nắm, nên trên thực tế, chúng ta chỉ còn có việc đưa nhân dân vào hợp tác xã tới một mức độ nhất định thì chủ nghĩa xã hội... tự nó sẽ được thực hiện”<sup>1</sup>. Lê Nin coi chế độ hợp tác xã có một ý nghĩa đặc biệt “về phương diện bước quá độ sang một chế độ mới bằng con đường giản đơn nhất, dễ dàng nhất, dễ tiếp thu nhất đối với nông dân”<sup>2</sup>.

Lê Nin cũng xác định hợp tác hoá phải được tiến hành từng bước, cần phải “hết sức ít dùng những biện pháp cao xa và hình thức mơ hồ không phù hợp với trình độ của nông dân bình thường và không được đề ra yêu cầu quá cao đối với nông dân”.

Cần phải lưu ý rằng khi đề cập đến chế độ hợp tác xã, Lê Nin đã đề cập đến “hợp tác xã văn minh”, và ông coi “chế độ của những người xã viên hợp tác xã văn minh là chế độ xã hội chủ nghĩa”<sup>3</sup>. Nhưng để có được điều đó cần phải “tiến hành công tác văn hoá trong nông dân”. “Nếu chúng ta tổ chức được toàn thể nông dân vào hợp tác xã thì chúng ta đứng vững được hai chân trên mảnh đất xã hội chủ nghĩa. Nhưng điều kiện đó bao hàm một trình độ văn hoá nhất định của nông dân (chính là nông dân với tư cách là khối quân chúng đông đảo), cho nên, nếu không có cả một cuộc cách mạng văn hoá thì không thể nào thực hiện được việc hợp tác hoá hoàn toàn ấy”<sup>4</sup>.

Lê Nin đã thấy những “khó khăn không thể tưởng tượng”, không chỉ của cuộc cách mạng văn hoá ấy mà còn thấy những khó khăn cả “về vật chất (bởi vì muốn trở thành những người có văn hoá thì tư liệu vật chất để sản xuất phải phát triển tới một mức nào đó, chúng ta phải có một cơ sở vật chất nhất định nào đó)”<sup>5</sup>. Như vậy, trình độ văn hoá của dân cư, sự phát triển của các lực lượng sản xuất – những yếu tố của lực lượng sản xuất là những tiền đề quyết định cho sự ra đời của hợp tác xã. Song để có những cái đó theo Lê Nin thì phải cần có cả một thời kỳ lịch sử.

Theo Lê Nin, hợp tác hoá thể hiện sự liên minh công nông. Trong khối liên minh ấy, Nhà nước vô sản phải ủng hộ và giúp đỡ giai cấp nông dân, ủng hộ và giúp đỡ các hợp tác xã về mặt tài chính, ưu đãi về mặt vật chất,... giúp đỡ có hiệu quả các hợp tác xã và đào tạo những xã viên hợp tác xã văn minh. “Một chế độ xã hội chỉ nảy sinh ra nếu được một giai cấp nhất định nào đó giúp đỡ về tài chính”<sup>6</sup>.

<sup>1</sup> V.I.Lê Nin. Bàn về chế độ hợp tác xã. Nhà xuất bản sự thật Hà Nội, 1997. Trang 8.

<sup>2</sup> V.I.Lê Nin. Bàn về chế độ hợp tác xã. Nhà xuất bản sự thật Hà Nội, 1997. Trang 9.

<sup>3</sup> V.I.Lê Nin. Bàn về chế độ hợp tác xã. Nhà xuất bản Sự thật . Hà Nội 1977. Trang 13.

<sup>4</sup> V.I.Lê Nin. Bàn về chế độ hợp tác xã. Nhà xuất bản Sự thật . Hà Nội 1977. Trang 18.

<sup>5</sup> V.I.Lê Nin. Bàn về chế độ hợp tác xã. Nhà xuất bản Sự thật . Hà Nội 1977. Trang 18.19.

<sup>6</sup> V.I.Lê Nin. Bàn về chế độ hợp tác xã. Nhà xuất bản Sự thật . Hà Nội 1977. Trang 10.